

Số: 01/2026/TTLT-TANDTC-BNG

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14;

Căn cứ Pháp lệnh số 05/2024/UBTVQH15 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chi phí tố tụng được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tổng đạt văn bản tố tụng” là việc Cơ quan đại diện gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài bằng dịch vụ bưu chính chuyển phát bưu phẩm bảo đảm.

2. “Thông báo văn bản tố tụng” là việc Cơ quan đại diện niêm yết công khai tại trụ sở, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho đương sự ở nước ngoài là công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài.

3. “Chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng” là một hoặc một số chi phí sau đây: chi phí sao chụp văn bản tố tụng, chi phí cước dịch vụ bưu chính ở trong nước, chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài, chi phí dịch thuật, chi phí chứng thực, chi phí khác.

4. “Chi phí cước dịch vụ bưu chính ở trong nước” là khoản tiền phải trả để Tòa án gửi hồ sơ đề nghị tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho Cơ quan đại diện bằng dịch vụ bưu chính chuyển phát bưu phẩm bảo đảm.

5. “Chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài” là khoản tiền phải trả để Cơ quan đại diện tổng đạt văn bản tố tụng và gửi kết quả thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng hoặc kết quả thực hiện thông báo văn bản tố tụng cho Tòa án bằng dịch vụ bưu chính chuyển phát bưu phẩm bảo đảm.

6. “Chi phí dịch thuật, chi phí chứng thực” là khoản tiền phải trả để dịch văn bản tố tụng, chứng thực chữ ký người dịch trong trường hợp văn bản này được thông báo cho đương sự là người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài.

7. “Chi phí khác” là chi phí liên quan và phục vụ trực tiếp cho hoạt động tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ra nước ngoài, phù hợp với tính chất, nội dung của vụ việc, vụ án, được xác định theo thực tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng (nếu có), hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

8. “Dịch vụ bưu chính chuyển phát bưu phẩm bảo đảm” là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu phẩm đến địa chỉ nhận; bưu phẩm được gắn số hiệu để theo dõi, định vị trong quá trình chuyển phát.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“Điều 7. Thời hạn Tòa án gửi cho Cơ quan đại diện hồ sơ đề nghị tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập xong hồ sơ đề nghị tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng và đương sự đã nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, Tòa án gửi hồ sơ đó cho Cơ quan đại diện theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư liên tịch này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thanh toán chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả thực hiện việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, Tòa án làm thủ tục thanh toán chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện thông qua ngân hàng nơi Tòa án mở tài khoản. Tòa án thanh toán chi phí chuyển tiền từ số tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng mà đương sự đã nộp và tích vào ô “Người chuyển trả chi phí chuyển tiền” tại mẫu giấy chuyển tiền của ngân hàng (nếu có).

2. Hồ sơ Tòa án yêu cầu ngân hàng chuyển chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện bao gồm:

a) Văn bản yêu cầu ngân hàng chuyển chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện được lập theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Bản chụp văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 hoặc điểm a khoản 1 Điều 6 của Thông tư liên tịch này;

c) Bản chụp văn bản thông báo kết quả thực hiện việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau khi hoàn thành việc chuyển chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài, Tòa án gửi bản chụp hóa đơn, chứng từ chuyển tiền của ngân hàng cho Cơ quan đại diện thông qua hộp thư điện tử đầu mối của từng cơ quan.

Tòa án lưu các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc chuyển chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện vào hồ sơ vụ việc.

4. Trường hợp Cơ quan đại diện chưa nhận đủ hoặc chưa nhận được số tiền theo thông báo quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án phải thanh toán số tiền còn thiếu hoặc chưa thanh toán trên cơ sở thông báo của Cơ quan đại diện qua hộp thư điện tử đầu mối của từng cơ quan và phối hợp đối chiếu giữa hai bên. Thông báo có nội dung sau đây:

a) Tên Tòa án đã yêu cầu tổng đạt;

b) Tên vụ việc, họ, tên đương sự ở nước ngoài mà Tòa án yêu cầu tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng;

c) Số tiền cước bưu chính còn thiếu hoặc chưa nhận được.

Kèm theo thông báo là bản chụp hóa đơn bưu chính ở nước ngoài (nếu có).”.
 4. Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 20 như sau:

“3a. Thực hiện tạm ứng từ dự toán giao kinh phí chi thường xuyên để chi trả chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài.”.

Điều 2. Bãi bỏ, thay đổi từ ngữ liên quan đến một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài

1. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 6 của Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài.

2. Thay thế một số cụm từ tại một số điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “tiền cước bưu chính ở nước ngoài” tại khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 16, Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 07 bằng cụm từ “chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài”;

b) Thay thế cụm từ “tiền cước bưu chính ở trong nước” tại Điều 15 bằng cụm từ “chi phí cước dịch vụ bưu chính ở trong nước”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Văn bản yêu cầu đương sự ở Việt Nam nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 07 Văn bản yêu cầu ngân hàng chuyển tiền cước bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài tiếp tục được áp dụng đối với hồ sơ đề nghị tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được gửi cho Cơ quan đại diện trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**



Lê Thị Thu Hằng

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC và Bộ Ngoại giao;
- Lưu: VT (TANDTC, BNG).

MẪU SỐ 03

Văn bản yêu cầu đương sự ở Việt Nam nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05/12/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài)

TÒA ÁN NHÂN DÂN (1)

Số: /TB-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm...

THÔNG BÁO**NỘP TIỀN TẠM ỨNG CHI PHÍ TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG**

Kính gửi: Ông/Bà (2)

Địa chỉ: (3)

Xét thấy Ông/Bà (4) thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại (5), Tòa án nhân dân...(6) thông báo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, Ông/Bà (7) phải nộp tiền tạm ứng lần thứ (8) chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng với số tiền là:....(bằng chữ:....) (9) vào tài khoản ngân hàng sau đây của Tòa án:

Số tài khoản: (10)

Tên tài khoản: (11)

Ngân hàng/Chi nhánh ngân hàng và địa chỉ: (12)

Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thì thời hạn nộp tiền tạm ứng không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án. Hết thời hạn này, nếu Ông/Bà (13) không nộp tiền tạm ứng, thì Tòa án đình chỉ giải quyết vụ, việc dân sự/vụ án hành chính theo quy định tại (14).

Khi nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng Ông/Bà (15) cần lưu ý:

1. Không được thanh toán phí ngân hàng vào số tiền tạm ứng phải nộp nêu trên.
2. Ghi rõ nội dung nộp tiền: nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng.
3. Gửi lại cho Tòa án bản chụp chứng từ nộp tiền bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hộp thư điện tử (16).

Trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị Ông/Bà (17) liên hệ với Tòa án theo số điện thoại:....; số Fax:....; Hộp thư điện tử:....(18)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03

Mục (1): ghi tên Tòa án ban hành thông báo.

Mục (2): ghi Ông hoặc Bà và họ tên (đương sự là cá nhân) hoặc ghi tên (đương sự là cơ quan, tổ chức) phải nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, thông báo văn bản tố tụng.

Mục (3): ghi địa chỉ của đương sự.

Mục (4): ghi như Mục (2).

Mục (5) ghi một trong hai điều luật (Điều 152 của Bộ luật tố tụng dân sự/Điều 353 của Luật tố tụng hành chính).

Mục (6): ghi như Mục (1).

Mục (7): ghi như Mục (2).

Mục (8): ghi lần yêu cầu đương sự nộp tiền tạm ứng. Ví dụ: lần thứ nhất hoặc thứ hai.

Mục (9): ghi cụ thể số tiền bằng đồng đô la Mỹ mà đương sự phải nộp.

Mục (10), (11), (12): ghi thông tin về số tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng và địa chỉ.

Mục (13): ghi như Mục (2).

Mục (14): ghi điểm d khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự (vụ, việc dân sự) hoặc điểm d khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính (vụ án hành chính).

Mục (15), (17): ghi như Mục (2).

Mục (16): ghi hộp thư điện tử đầu mối của Tòa án.

Mục (18): ghi số điện thoại, số Fax, hộp thư điện tử đầu mối của Tòa án.

MẪU SỐ 07

Văn bản yêu cầu ngân hàng chuyển chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05/12/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tổ tụng dân sự và tổ tụng hành chính ở nước ngoài)

TÒA ÁN NHÂN DÂN (1)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TA-CV

V/v chuyển tiền cước bưu chính

..., ngày.... tháng.... năm...

Kính gửi: Ngân hàng/Chi nhánh ngân hàng... (2)

Tòa án nhân dân (3) đang giải quyết việc dân sự/vụ án dân sự/vụ án hành chính thụ lý số (4) có đương sự ở nước ngoài là Ông/Bà.... (5), địa chỉ.... (6).

Theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự/Luật Tổ tụng hành chính, Thông tư liên tịch số ngày...tháng...năm... của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (7), Tòa án cần phải chuyển tiền cho Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại (8) để thanh toán chi phí cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài liên quan đến việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (9) đối với đương sự nêu trên.

Do đó, Tòa án đề nghị Ngân hàng/Chi nhánh ngân hàng chuyển cho Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại (10) số tiền... (bằng chữ...) (11).

Số tiền này và chi phí chuyển tiền được trích từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Tòa án đã được mở tại Ngân hàng/Chi nhánh Ngân hàng.

Kèm theo công văn này là các giấy tờ, tài liệu sau đây:

1. Bản chụp văn bản của Tòa án đề nghị Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại (12) tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (13).

2. Bản chụp văn bản của Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại (14) thông báo kết quả thực hiện việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (15)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 07

Mục (1), (3): ghi tên của Tòa án ban hành công văn.

Mục (2): ghi tên Ngân hàng/Chi nhánh ngân hàng nơi Tòa án mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ.

Mục (4): ghi thông tin về số thụ lý, ngày tháng năm thụ lý vụ việc.

Mục (5), (6): ghi họ tên, địa chỉ của đương sự ở nước ngoài.

Mục (7): ghi tên của Thông tư liên tịch này.

Mục (8), (10), (12), (14): ghi tên cơ quan đại diện mà Tòa án đề nghị tổng đạt văn bản tố tụng.

Mục (11): ghi số tiền bằng đô la Mỹ cần chuyển để cơ quan đại diện thanh toán tiền cước bưu chính tổng đạt hồ sơ văn bản tố tụng cho đương sự và để gửi thông báo kết quả thực hiện cho Tòa án.

Mục (9), (13), (15): ghi một trong hai công việc (tổng đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng).